



MỤC LỤC

1. MỤC LỤC
2. GIỚI THIỆU CÔNG TY
3. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
4. NĂNG LỰC THIẾT BỊ
5. NĂNG LỰC NHÂN SỰ
6. CÁC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN
7. HỢP ĐỒNG KÝ KẾT
8. HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CP XD TM LONG BÌNH

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Long Bình được thành lập ngày 14/03/2007 theo số 0400566939 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp với các chuyên ngành kinh doanh chính:

- Xây dựng Dân dụng và công nghiệp
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi – thủy điện
- San lấp mặt bằng
- Trang trí nội, ngoại thất công trình
- Khoan cọc nhồi, khoan dẫn, ép cọc bê tông, đóng cọc bê tông, cọc thép
- Cho thuê xe cơ giới các loại, gia công cơ khí
- Cho thuê cốp pha, dàn giáo
-

Công ty có đội ngũ chuyên viên, kỹ sư, kỹ thuật viên, công nhân lành nghề trẻ tuổi, năng động, nhiệt tình và yêu nghề. Đội ngũ này luôn được các khách hàng đánh giá cao về trình độ, năng lực, phẩm chất và thái độ phục vụ.

Công ty trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị cơ giới, làm đất, nền đường, mặt đường cho thi công công trình giao thông. Các loại máy vận thăng, cầu tháp, cắt thép, uốn thép, xoa, cán phẳng nền bê tông ... cho công trình dân dụng và công nghiệp. Xưởng thiết kế trang trí nội ngoại thất công tác hoàn thiện và trang trí.

Công ty có mối quan hệ rộng rãi với các công ty liên quan đến ngành hoạt động, đồng thời có mối quan hệ vững chắc với các nhà cung cấp chính. Nhờ vậy, hoạt động của công ty luôn ổn định và liên tục phát triển.

Vì vậy, công ty hoàn toàn có khả năng tham gia thực hiện có hiệu quả các dự án lớn: xây dựng dân dụng và công nghiệp, cầu đường và đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư mới với giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo, thái độ phục vụ nhanh chóng và nhiệt tình, đáp ứng mọi nhu cầu của đối tác.

Hiện nay, công ty đang được nhiều đối tác tin cậy đặt niềm tin với kết quả công việc đã giao cho công ty. Công ty tự hào vì được nhiều cơ quan chọn làm đối tác nhận thầu thi công các công trình có quy mô lớn. Công ty chúng tôi quyết tâm nỗ lực, không ngừng thay đổi, tìm kiếm các cơ hội mới, khai thác mọi tiềm năng để không ngừng tăng trưởng và



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

xây dựng công ty trở thành 1 doanh nghiệp mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh và hội nhập vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Với mong ước ngày càng phát triển để từng bước ổn định việc làm, nâng cao thu nhập và rèn luyện tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty, đồng thời góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công ty CP XD TM Long Bình với phương châm hoạt động “ Chất lượng, kỹ-mỹ thuật, tiến độ và an toàn lao động” sẽ sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng, cơ quan, đoàn thể.

Rất hân hạnh được cùng hợp tác với quý khách hàng!



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0400566939

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 03 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 16 tháng 05 năm 2011

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
LONG BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

730- Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0511.3913160

Fax: 0511.3913160

Email: ctylongbinh@yahoo.com.vn

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện. Xây dựng công trình thủy điện.	42900(Chính)
2	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe cơ giới.	7710
3	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.	4100
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng đến chân công trình.	4663
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí tại chân công trình.	25920
7	Hoạt động cấp tin dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.	64920
8	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn về bất động sản.	68200





STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	77302
10	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác khoáng sản các loại (Địa điểm khai thác: ngoài TP Đà Nẵng).	0722
11	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
12	Sản lắp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ. Lắp đặt, tháo dỡ các kết cấu phục vụ thi công. Trang trí nội, ngoại thất.	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 25.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán 0**6. Vốn pháp định****7. Danh sách cổ đông sáng lập**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯƠNG CÔNG PHỤNG	Tổ 28, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	23.000	23.000.000.000	92	201588143	
2	PHAM ĐÌNH NGHI	Tổ 1C Thành Vinh, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	1.000.000.000	4	201571692	
3	LƯƠNG THỊ CẨM THU	Tổ 1, Thọ Xuyên, Xã Duy Châu, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	1.000.000.000	4	201342041	



8. Người đại diện theo pháp luật

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty*

Họ và tên: **LƯƠNG CÔNG PHỤNG**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *08/10/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *201588143*

Ngày cấp: *12/12/2006*

Nơi cấp:

Công an TP Đà Nẵng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ 28, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tổ 28, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh



TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN ĐỨC XA





LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2010

TÀI SẢN	Mã	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	11.522.682.516	8.269.308.448
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.757.469.997	2.359.093.113
II. Đầu tư ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu	130	1.677.617.408	632.727.793
IV. Hàng tồn kho	140	4.087.595.111	5.191.852.709
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.634.833
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.218.389.690	1.193.911.933
I. Tài sản cố định	210	1.218.389.690	1.193.911.933
II. Bất động sản đầu tư	220		
III. Đầu tư dài hạn	230		
IV. Tài sản dài hạn khác	240		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (VND)	250	12.741.072.206	9.463.220.381
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	7.729.593.023	4.441.289.028
I. Nợ ngắn hạn	310	7.729.593.023	4.441.289.028
II. Nợ dài hạn	320		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.011.479.183	5.021.931.353
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.011.479.183	5.021.931.353
II. Nguồn kinh phí, quỹ gốc	420		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (VND)	440	12.741.072.206	9.463.220.381



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2011

TÀI SẢN	Mã	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	25.143.513.630	11.522.682.516
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.785.567.865	5.757.469.997
II. Đầu tư ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu	130	8.506.606.104	1.677.617.408
IV. Hàng tồn kho	140	10.486.126.781	4.087.595.111
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	365.212.880	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	5.415.322.286	1.218.389.690
I. Tài sản cố định	210	1.660.725.908	1.218.389.690
II. Bất động sản đầu tư	220		
III. Đầu tư dài hạn	230		
IV. Tài sản dài hạn khác	240	3.754.596.378	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (VND)	250	30.558.835.916	12.741.072.206
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	5.472.749.542	7.729.593.023
I. Nợ ngắn hạn	310	5.472.749.542	7.729.593.023
II. Nợ dài hạn	320		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25.086.086.374	5.011.479.183
I. Vốn chủ sở hữu	410	25.086.086.374	5.011.479.183
II. Nguồn kinh phí, quỹ gốc	420		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (VND)	440	30.558.835.916	12.741.072.206



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2012

TÀI SẢN	Mã	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	19.651.328.476	25.143.513.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	229.505.537	5.785.567.865
II. Đầu tư ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu	130	2.053.868.972	8.506.606.104
IV. Hàng tồn kho	140	17.292.420.814	10.486.126.781
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	75.533.153	365.212.880
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	11.114.983.842	5.415.322.286
I. Tài sản cố định	210	4.444.705.268	1.660.725.908
II. Bất động sản đầu tư	220		
III. Đầu tư dài hạn	230		
IV. Tài sản dài hạn khác	240	6.670.278.574	3.754.596.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (VND)	250	30.766.312.318	30.558.835.916
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	5.558.410.931	5.472.749.542
I. Nợ ngắn hạn	310	5.558.410.931	5.472.749.542
II. Nợ dài hạn	320		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.086.086.374
I. Vốn chủ sở hữu	410	25.207.901.387	25.086.086.374
II. Nguồn kinh phí, quỹ gốc	420		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (VND)	440	30.766.312.318	30.558.835.916

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34.457.632.000	31.060.650.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	34.457.632.000	31.060.650.000
4. Giá vốn hàng bán	11	32.949.417.150	29.908.372.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	1.508.214.850	1.152.277.224
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	923.560	580.637
7. Chi phí tài chính	22	332.603.068	96.669.284
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	332.603.068	96.669.284
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	612.940.199	574.160.260
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD (30=20+21-22-24)	30	563.595.143	482.028.317
10. Thu nhập khác	31		32.300.000
11. Chi phí khác	32	280.500.000	4.205.661
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(280.500.000)	28.094.339
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	283.095.143	510.122.656
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	70.773.786	127.530.664
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	212.321.357	382.591.992



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	38.645.762.000	34.457.632.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	38.645.762.000	34.457.632.000
4. Giá vốn hàng bán	11	35.221.163.909	32.949.417.150
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	3.424.598.091	1.508.214.850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	129.028.933	923.560
7. Chi phí tài chính	22	1.929.822.941	332.603.068
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	1.929.822.941	332.603.068
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	1.466.809.952	612.940.199
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD (30=20+21-22-24)	30	156.994.131	563.595.143
10. Thu nhập khác	31	231.818.181	
11. Chi phí khác	32	298.379.354	280.500.000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(66.561.173)	(280.500.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	90.432.958	283.095.143
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	15.825.767	70.773.786
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	74.607.191	212.321.357



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	59.431.371.248	38.645.762.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	59.431.371.248	38.645.762.000
4. Giá vốn hàng bán	11	56.450.680.379	35.221.163.909
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	2.980.690.869	3.424.598.091
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	124.732.750	129.028.933
7. Chi phí tài chính	22	286.746.482	1.929.822.941
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	286.746.482	1.929.822.941
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	2.891.535.472	1.466.809.952
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD (30=20+21-22-24)	30	(72.858.335)	156.994.131
10. Thu nhập khác	31	583.636.363	231.818.181
11. Chi phí khác	32	363.123.467	298.379.354
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	220.512.896	(66.561.173)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	147.654.561	90.432.958
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	25.839.548	15.825.767
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	121.815.013	74.607.191



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

NĂNG LỰC THIẾT BỊ

**LONG BÌNH**

Hồ sơ giới thiệu công ty

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG

tt	Mô tả thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu)	Đvt	Số lượng	Chất lượng thiết bị	Thiết bị thuộc sở hữu	Nước sản xuất			
						Nhật	Đức	Ý	Trung Quốc
I	Thiết bị cấp cho Ban CHCT								
1	Máy điện thoại bàn	Máy	06	100%	Cty	6	-	-	-
2	Máy tính để bàn	Máy	05	100%	Cty	5	-	-	-
3	Máy tính xách tay	Máy	07	100%	Cty	7	-	-	-
4	Máy in	Máy	04	100%	Cty	4	-	-	-
5	Máy Scan	Máy	02	100%	Cty	1	-	-	-
6	Bàn làm việc	Bàn	10	100%					
II	Thiết bị dành cho thi công								
A	Thiết bị lắp cầu								
7	Cầu tháp Hòa Phát	Bộ	01	100%	Cty	-	-	-	-
8	Máy vận thăng cao đến 75m	Bộ	05	90-95%	Cty	-	-	-	-
B	Thiết bị thi công cơ giới và vận chuyển								
	Búa khoan tay 32	Máy	04	90-95%	Cty	04	-	-	-
	Máy ép dây dẫn động bằng tay	Máy	01	90-95%	Cty	01	-	-	-
	Máy đầm bàn Robin	Máy	04	90-95%	Cty	-	04	-	-
	Máy đầm nền	Máy	10	90-95%	Cty	10	-	-	-
	Xe ủi Komatsu D50P	Xe	03	90-95%	Cty	03	-	-	-
	Xe đào V<=0,8m3, CS 6-25m3	Xe	02	90-95%	Cty	02	-	-	-
	Xe đào Kobelco – 1,2m3	Xe	05	90-95%	Cty	05	-	-	-
	Xe đào Komatsu 09	Xe	03	90-95%	Cty	03	-	-	-
	Xe đào Komatsu 07	Xe	03	90-95%	Cty	03	-	-	-
	Xe lu tĩnh	Xe	02	90-95%	Cty	02	-	-	-
	Xe lu rung	Xe	02	90-95%	Cty	02	-	-	-
	Xe vận chuyển 15m3 Huyndai	Xe	07	90-95%	Cty	07	-	-	-
	Xe vận chuyển 7m3 Foton	Xe	03	90-95%	Cty	03	-	-	-
C	Thiết bị thi công bê tông								
	Máy trộn bê tông	Máy	10	90-95%	Cty	-	05	02	03
	Máy đầm dùi Honda 5,5 HPΦ38	Máy	10	90-95%	Cty	10	-	-	-
	Máy đầm dùi điện	Máy	10	90-95%	Cty	07	-	-	03
	Máy đầm thước (Tự gia công)	Máy	04	90-95%	Cty	-	-	-	-
	Máy cắt bê tông	Máy	12	90-95%	Cty	02	-	-	-
	Máy mài bê tông	Máy	10	90-95%	Cty	10	-	-	-



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

	Máy xoa nền bê tông	Máy	5	90-95%	Cty	5	-	-	-
D	Thiết bị gia công, lắp dựng ván khuôn, cốt thép								
	Máy hàn 500A	Máy	12	90-95%	Cty	10	-	-	-
	Máy hàn VN 380 A-24KVA	Máy	14	90-95%	Cty	-	-	-	04
	Máy cắt, uốn sắt	Máy	10	90-95%	Cty	-	-	-	10
	Giàn giáo thép MK Việt Nam	Bộ	80	90-95%	Cty	-	-	-	-
	Cột chống thép	Cây	8.000	90-95%	Cty	-	-	-	-
	Cột chống thép tổ hợp	M2	8.000	90-95%	Cty	-	-	-	-
	Copha ván phin	M2	5.000	90-95%	Cty	-	-	-	-
	Copha thép định hình	M2	5.000	90-95%	Cty	-	-	-	-
E	Thiết bị phục vụ thi công khác								
	Máy phát điện 150KVA	Máy	03	90-95%	Cty	03	-	-	-
	Kìm ép thủy lực HC-130-38-CP	Bộ	04	90-95%	Cty	04	-	-	-
	Kìm ép dây thủy lực HA-40-62	Bộ	04	90-95%	Cty	04	-	-	-
	Máy bơm nước	Máy	20	90-95%	Cty	30	-	-	-
	Máy toàn đạt	Máy	2	90-95%	Cty	02	-	-	-
	Máy thủy bình	Máy	3	90-95%	Cty	03	-	-	-
	Máy tia laze	Máy	5	90-95%	Cty	05	-	-	-
	Tời điện	Bộ	7	90-95%	Cty	-	-	-	-
	Các thiết bị thử, kiểm tra				Cty				



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

NĂNG LỰC NHÂN SỰ

**BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CHỦ CHỐT**

Tổng số cán bộ, công nhân viên công ty : 508 nhân viên

- Trong đó:**
- Kỹ sư : 15 nhân viên
 - Cao đẳng : 07 nhân viên
 - Trung cấp : 10 nhân viên
 - Chỉ huy công trình : 15 nhân viên
 - Kế toán : 06 nhân viên
 - Công nhân lành nghề: 455 công nhân

TT	Cán bộ chuyên môn	SỐ LƯỢNG	Số năm trong nghề		
			1-5 năm	6 -10 năm	Trên 11 năm
A	Kỹ Sư	15	02	08	05
1	Kỹ sư Xây Dựng DD & CN	07		03	04
2	Kỹ sư cầu đường	03		03	
3	Kỹ sư thủy lợi	03	02	01	
4	Kỹ sư Điện	02		01	01
5	Kỹ sư Cơ khí	01		01	
B	Cao đẳng, trung cấp, kế toán	23	06	10	07
1	T/cấp, cao đẳng xây dựng DD & CN	15	04	06	05
2	Trung cấp điện	02	01	01	
3	Kế toán	06	01	04	01
C	CHỈ HUY CÔNG TRÌNH	15	02	05	08

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC CÔNG NHÂN KỸ THUẬT

STT	Công nhân ngành nghề	Số lượng	Bậc thợ					
			Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7
	Tổng cộng	455						
1	Công nhân điện	40				20	15	5
2	Công nhân nề	300		14	16	150	80	40
3	Công nhân cơ khí	15				5	7	3
4	Công nhân mộc	15				6	7	2
5	Công nhân sơn	25				10	10	5
6	Công nhân kết cấu thép	30				6	14	10
7	Công nhân vận hành máy	15				5	5	5
8	Lái xe các loại	15				5	5	5

TÓM TẮT KINH NGHIỆM NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Kinh nghiệm
1	Lương Công Phụng	1978	Kỹ sư xây dựng	Giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT	10 năm
2	Phạm Xuân Tiến	1975	Kỹ sư xây dựng	Phó giám đốc	13 năm
3	Bùi Tiến Lộc	1978	Kỹ sư xây dựng	Trưởng P kỹ thuật	10 năm
4	Phạm Đình Nghi	1969	Kỹ sư cầu đường	Phó P kỹ thuật	19 năm



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

5	Nguyễn Thị Hồng	1979	Cử nhân kinh tế	Kế toán trưởng	9 năm
6	Vũ Văn Dân	1982	Cử nhân kinh tế	Trưởng P HC - NS	6 năm
7	Lương Thế Hoàng	1985	Kỹ sư xây dựng	Chỉ huy trưởng	4 năm
8	Nguyễn Thái Sơn	1985	Kỹ sư xây dựng	Chỉ huy trưởng	4 năm
9	Trần Quang Trí	1977	Kỹ sư xây dựng	Chỉ huy trưởng	11 năm
10	Nguyễn Đức Thông	1979	Kỹ sư cơ khí	Kỹ sư thi công	9 năm
11	Đặng Minh Nhật	1982	Kỹ sư xây dựng	Kỹ sư thi công	6 năm
12	Phạm Thủy	1979	Kỹ sư xây dựng	Kỹ sư thi công	9 năm
13	Võ Văn Tuấn	1973	Kỹ sư xây dựng	Kỹ sư thi công	15 năm
14	Trần Thanh Hải	1983	Kỹ sư điện	Kỹ sư M&E	6 năm
15	Nguyễn Ngọc Phước	1979	Kỹ sư điện	Kỹ sư thi công	9 năm
16	Nguyễn Minh Thông	1983	Kỹ sư xây dựng	Kỹ sư thi công	6 năm
17	Phan Đức Minh	1980	Kỹ sư xây dựng	Kỹ sư thi công	8 năm
18	Phạm Đặng Anh Quân	1978	Kỹ sư xây dựng	Giám sát công trình	10 năm
19	Nguyễn Hữu Thọ	1980	Kỹ sư công nghệ	Giám sát công trình	8 năm
20	Đinh Đức Hóa	1982	Kỹ sư xây dựng	Giám sát công trình	6 năm
21	Nguyễn Việt Chương	1979	Kỹ sư cầu đường	Giám sát công trình	11 năm
22	Võ Xuân Trung	1980	Kỹ sư xây dựng	Kỹ sư hoàn thiện	
23	Lâm Minh Đức	1981	Kỹ sư điện	Kỹ sư thi công	7 năm



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

CÁC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

Stt	Thời gian	Công trình	Chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng	Địa điểm
1	02/05/2013 – Hiện tại	Ba Na HILLS RESORT& RESIDENCES	Công ty CP Tập đoàn Mặt trời (Sun Group)	22.622.533.000	Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, TPĐN
2	5/12/2012 – Hiện tại	Trung tâm đào tạo FPT Software Đà Nẵng	Chi nhánh công ty phần mềm FPT tại Đà Nẵng	7.765.184.000	KCN Đà Nẵng, Q. Sơn Trà, ĐN
3	21/05/2012 – Hiện tại	Nhà ga số 5- Tuyến cáp treo số 3 Bà Nà Suối Mơ	Công ty CP DV Cáp treo Bà Nà	7.506.549.000	Huyện Hòa Vang - ĐN
4	4/5/2012 4/8/2012	Nhà lớp học thực hành	Trường Đại Học Duy Tân	9.030.249.000	Q. Liên Chiểu – ĐN
5	1/8/2011 – Hiện tại	Khách sạn – Bar – Karaoke Phương Đông	Công ty TNHH Hữu Thanh	32.731.237.000	Q. Hải Châu - ĐN
6	6/9/2011- 6/9/2012	Khách sạn Seventeen	Công ty TNHH LAMDA	15.300.000.000	Q. Sơn Trà - ĐN
7	25/6/2011 15/4/2012	Khách sạn Angel	Công ty TNHH Ngân Dung	10.143.000.000	Q. Sơn Trà – ĐN
8	10/7/2010 10/6/2011	Khách sạn Starlet	Công ty TNHH Sơn Hoàng Thịnh	10.424.940.000	Q. Ngũ hành Sơn – ĐN
9	7/2010 – 1/2011	Biệt thự ô tô Trường Hải	Công ty TNHH ĐTPHT KCN&ĐT Chu Lai Trường Hải	5.245.000.000	TP. Tam Kỳ - Qnam
10	5/2010 – 8/2010	Khách sạn Solar		2.567.000.000	Đà Nẵng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

11	3/1010 – 9/2010	Khách sạn Biển Xanh	Công ty TNHH TM&DV Trang Hiếu	11.246.000.000	Q. Sơn Trà – ĐN
12	1/2010 – 9/2010	Chung cư cao cấp Thanh Bình Xanh	Công ty CP Thanh Bình Xanh	9.500.000.000	Q. Sơn Trà - ĐN
13	28/1/2010 10/10/2010	Trường Cao Đẳng Thương Mại	Trường Cao Đẳng Thương Mại	5.150.000.000	Q. Thanh Khê – ĐN
14	10/2009 – 01/2009	Yamaha Town – Đà Nẵng		2.200.000.000	Q. Thanh Khê – ĐN
15	8/2009 – 1/2010	Chung cư Vững Thùng	BQL DA các công trình đường Bạch Đằng Đông – ĐN	4.500.000.000	Q. Sơn Trà – ĐN
16	6/2009 – 10/2009	Khách sạn hải Đông		2.367.000.000	Q. hải Châu – ĐN
17	3/2009 – 8/2009	Khách sạn Hoàng Nhi	Công ty TNHH Trần Đỗ	3.200.000.000	Q. Liên Chiểu – ĐN



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY LẮP

Số: ^A15.../2013/HĐ/OLP-LB

(V/v: Thi công kết cấu phần thô Tòa nhà BOH)

Gói thầu: Thi công kết cấu phần thô Tòa nhà BOH
Công trình/Dự án: Ba Na Hills resort & residences
Địa điểm: Xã Hòa Ninh - Huyện Hòa Vang - TP Đà Nẵng

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai Bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 05 năm 2013, tại văn phòng Công ty TNHH Olympia các Bên gồm:

Bên giao thầu (Bên A): CÔNG TY TNHH OLYMPIA

Đại diện : Ông NGUYỄN QUANG KHẢI - Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : An Sơn – Hoà Ninh – Hoà Vang – Thành Phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84 511) 3682 666; - Fax: (84 511) 3682 669
Mã số thuế : 0401367446

Tài khoản : 2001201116270, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hải Châu - Đà Nẵng

Bên nhận thầu (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

Đại diện : Ông LƯƠNG CÔNG PHỤNG - Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số 730 đường Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại : 0511.3913160; - Fax: 0511.3913160
Mã số thuế : 0400566939

Tài khoản : 201021110301090

Mở tại: Ngân Hàng Nông nghiệp & phát triển Nông Thôn Chi Nhánh Đống Đa Đà Nẵng.

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là “Hai Bên” và gọi riêng là “Bên”

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây lắp (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với những điều khoản và điều kiện sau:

Điều 1: Nội dung công việc



1.1 Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện toàn bộ công việc thi công gói thầu: **“Thi công kết cấu phần thô Tòa nhà BOH - Dự án: Khu du lịch sinh thái trên đỉnh Bà Nà: BANAHILLS RESORT & RESIDENCES”**, tại địa chỉ: Đỉnh núi Bà Nà - thôn An Sơn, Hoà Ninh – Hoà Vang – Thành Phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là **“Công Việc”**).

1.2 Khối lượng thi công dự tính và Phạm vi Công Việc cụ thể được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 - *Phạm vi và đơn giá Hợp đồng* - đính kèm Hợp đồng này và các Phụ lục, tài liệu khác có liên quan đến Hợp đồng này.

1.3 **“Thi công kết cấu phần thô Tòa nhà BOH - Dự án: Khu du lịch sinh thái trên đỉnh Bà Nà: BANAHILLS RESORT & RESIDENCES”** (sau đây gọi tắt là **“Công Trình”**) sẽ được Bên B thực hiện thi công theo phạm vi Công Việc và các điều kiện quy định tại Hợp đồng này.

Điều 2: Chất lượng Công Việc và các yêu cầu kỹ thuật

2.1. Bên B có trách nhiệm: (i) thực hiện Công Việc theo đúng: Hồ sơ thiết kế quy định tại Phụ lục 5 - *Hồ sơ thiết kế* - đính kèm Hợp đồng này do Bên A phê duyệt, cung cấp, biện pháp thi công do Bên B trình được Bên A phê chuẩn được đính kèm Hợp đồng này; và (ii) đảm bảo Công Trình hoàn thành đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng quy định tại Phụ lục 02 - *Danh mục các tiêu chuẩn áp dụng chính* - đính kèm Hợp đồng này và theo đúng quy định của pháp luật về Xây dựng cơ bản hiện hành tại Việt Nam có liên quan.

2.2. Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với chất lượng Công Trình trong phạm vi Công Việc của Hợp đồng này. Việc Bên A chấp thuận, phê chuẩn đối với các tài liệu, kiến nghị, đề xuất do Bên B đệ trình hoặc tiến hành nghiệm thu giai đoạn cho các phần Công Việc Bên B đã hoàn thành không có nghĩa là Bên B được miễn trừ trách nhiệm trong việc đảm bảo chất lượng của Công Trình cũng như trách nhiệm đền bù thiệt hại xảy ra (nếu có) trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và thời gian bảo hành.

2.3. Bên B có trách nhiệm cung cấp vật tư có số lượng, chất lượng, xuất xứ hàng hóa và các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật khác theo đúng thỏa thuận tại Phụ lục 03 – *Bảng tiêu chuẩn chất lượng vật tư* đính kèm Hợp đồng này.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện:

3.1 “Ngày”, “tháng” quy định trong điều khoản này cũng như trong toàn bộ Hợp đồng và Phụ lục 04 - *Bảng Tiến Độ Thi Công* - đính kèm Hợp đồng này được hiểu là “ngày”, “tháng” dương lịch. “Thời gian” là thời gian liên tục được tính từ ngày khởi công công trình (kể cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ tết ...) trừ những ngày mưa to, bão, mưa lũ và các điều kiện bất khả kháng khiến Bên B không thể thi công và thể hiện trong Nhật ký được Bên A xác nhận.

Ngày khởi công Công Trình: Trong vòng bốn (4) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này nhưng phải đảm bảo khởi công công trình trước ngày 03/05/2013.

”Ngày làm việc” là tất cả những ngày làm việc trong tuần, không bao gồm ngày thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật.

3.2 Thời gian thực hiện Hợp đồng: thời gian để Bên B hoàn thành toàn bộ Công Việc quy định trong Hợp đồng này và tiến hành nghiệm thu, bàn giao Công Trình cho Bên A để tiến hành các



gói thầu và công việc tiếp theo của Công Trình là **120 ngày (Một trăm hai mươi ngày)** kể từ **Ngày khởi công Công Trình**.

Tiến độ cụ thể về thời gian thực hiện nêu trên sẽ được Bên B lập chi tiết từng phân đoạn (hàng tháng) trình cho Bên A để các Bên cùng thống nhất vào ngày 10 hàng tháng. Bên A kiểm soát tiến độ trên cơ sở bảng tiến độ chi tiết này.

- 3.3 Thời gian, tiến độ thực hiện Công Việc sẽ được điều chỉnh tương ứng trong trường hợp Bên A điều chỉnh các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng, từ đó điều chỉnh tăng/giảm khối lượng Công Việc, hoặc trên cơ sở đề xuất của Bên B về thời gian hoàn thành nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật thay đổi được Bên A đưa ra và được Bên A đồng ý trước khi Bên B thực hiện.
- 3.4 Thời gian thực hiện Hợp đồng có thể được gia hạn một cách hợp lý nếu có sự thỏa thuận của Các Bên bằng văn bản trong các trường hợp sau:
- a. Khi xảy ra một hoặc một số sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều 20 của Hợp đồng.
 - b. Bên A có những yêu cầu làm phát sinh tăng khối lượng công việc ngoài phạm vi Công Việc quy định trong Hợp đồng này.
 - c. Do việc thi công của các Nhà thầu khác của Bên A cùng thực hiện trên Công trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công đã cam kết.
 - d. Do bất kỳ hành động nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm dẫn tới việc chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng với điều kiện:
 - (i) Các hành động làm chậm trễ của cơ quan Nhà nước là các hành động mà một Nhà thầu chuyên nghiệp không thể lường trước được, và
 - (ii) khi cơ quan Nhà nước có các hành động này thì Bên B đã không chậm hơn 24 giờ thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A biết, và
 - (iii) trong khả năng của mình, Bên B đã thực hiện tất cả những biện pháp hợp lý để nhằm chấm dứt những hành vi gây chậm trễ đó trong thời gian sớm nhất.
- Trong trường hợp Bên B không thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A hoặc không thực hiện các biện pháp để nhằm sớm chấm dứt các hành vi gây chậm trễ của cơ quan Nhà nước như thỏa thuận, thì Bên B sẽ không được gia hạn thời gian thực hiện Công Việc theo Hợp đồng.
- e. Các chậm trễ khác không do lỗi của Bên B gây ra.
 - f. Do sự chậm thanh toán của bên A. Thanh toán không đúng trong điều khoản thời gian thanh toán của hợp đồng làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, thì số ngày chậm thanh toán đo được cộng dồn vào tiến độ thi công của công trình.
- 3.5 Trong trường hợp sự chậm trễ tiến độ do Bên B, Bên A có quyền:
- a. Yêu cầu Bên B phải tăng nhân công và làm thêm giờ để nhằm đảm bảo tiến độ. Trong trường hợp này, Bên A không phải trả thêm bất cứ khoản chi phí nào cho việc tăng thêm nhân công hay làm thêm giờ này cho Bên B, hoặc/và
 - b. Thuê các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung để thực hiện các Công Việc tiếp theo khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính (chậm quá



10 ngày) theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt với chi phí do Bên B chi trả, đồng thời Bên B có trách nhiệm đền bù cho Bên A các thiệt hại phát sinh trong thời gian gián đoạn thi công để bổ sung và/hoặc thay thế nhà thầu khác và chịu phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 26.2 Hợp đồng này.

Điều 4: Giá trị hợp đồng

- 4.1 Giá trị Hợp đồng: Căn cứ trên các quy định của Hợp đồng này về phạm vi Công Việc, khối lượng Công Việc và đơn giá Công Việc quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng. Hai Bên thống nhất giá trị tạm tính của Hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) 10% là: **22.622.533.000 đồng (Bảng chữ: Hai mươi hai tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn đồng y).**

Cơ cấu chi tiết về giá trị tạm tính của Hợp đồng, đơn giá Hợp đồng được quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này.

- 4.2 Trừ trường hợp có quy định khác tại Hợp đồng này, Hai Bên thống nhất là đơn giá quy định tại Phụ lục 01 đã bao gồm nhưng không giới hạn ở tất cả các chi phí vật tư (Trừ vật tư do bên A cung cấp), chi phí nhân công, chi phí máy móc thi công, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí biện pháp thi công, chi phí công trường, thuế GTGT cũng như toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác để Bên B hoàn thành toàn bộ Công Việc theo quy định trong Hợp đồng theo đúng chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A tại Hợp đồng này.
- 4.3 Đơn giá Hợp đồng quy định tại Phụ lục 1 là **đơn giá cố định** không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 4.4 Giá trị thanh, quyết toán được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công trên Công Trình được Bên A và Bên B nghiệm thu nhân với đơn giá theo quy định của Hợp đồng này.
- 4.5 Giá trị Hợp đồng có thể được điều chỉnh khi xảy ra một trong các trường hợp có sự thay đổi của Bên A dẫn đến Công Việc bị phát sinh tăng/giảm so với nội dung Công Việc đã thỏa thuận tại Hợp đồng này. Trong trường hợp này, Các Bên sẽ cùng tính toán, thỏa thuận và ký kết các thỏa thuận điều chỉnh nội dung của Hợp đồng. Theo đó, Bên A bảo lưu quyền được điều chỉnh các vấn đề liên quan đến Công Việc, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc điều chỉnh các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng, từ đó điều chỉnh khối lượng Công Việc và giá trị Hợp đồng tương ứng trên nguyên tắc :

- Bên A sẽ áp dụng cùng một đơn giá trong Hợp đồng này cho cùng một Công Việc;
- Nếu có nhiều đơn giá quy định tại Hợp đồng áp dụng cho cùng một Công Việc, đơn giá thấp nhất sẽ được tham chiếu để điều chỉnh giá trị Hợp đồng;
- Nếu trong Hợp đồng không có đơn giá nào áp dụng được cho Công Việc phát sinh thì các Bên sẽ thỏa thuận để lập đơn giá phát sinh trên cơ sở áp dụng định mức Nhà nước, đơn giá và các văn bản hướng dẫn do cơ quan Nhà nước của Trung ương và địa phương... hiện hành; nếu chưa có định mức Nhà nước, đơn giá và các văn bản hướng dẫn này thì áp dụng trên cơ sở giá thị trường thông qua hóa đơn tài chính hợp lệ.

Mọi công việc phát sinh ngoài phạm vi Công Việc theo Hợp đồng này chỉ được thực hiện sau khi đã có sự thống nhất bằng văn bản giữa Bên A với Bên B về đơn giá, quy cách, chất lượng



Thông báo của một Bên cho Bên kia sẽ được thể hiện bằng văn bản và được ký bởi những người đại diện có thẩm quyền.

Trừ khi có quy định rõ ràng khác đi trong Hợp đồng này, tất cả các thông báo và thông tin khác được đưa ra theo Hợp đồng này phải lập thành văn bản và được gửi theo ít nhất một trong các hình thức sau: (i) đường bưu điện, (ii) giao tận tay, (iii) fax (và bản gốc được gửi bằng đường bưu điện trong vòng hai (02) ngày làm việc sau đó) theo địa chỉ và/hoặc các thông tin khác được ghi cụ thể tại Hợp đồng này.

Mọi thông báo và thông tin được coi là Bên kia đã nhận được khi: Nhận được vào thời điểm (i) theo xác nhận của Bưu điện nếu gửi bằng bưu điện, (ii) giao cho người nhận nếu giao tận tay, (iii) như xác nhận của hệ thống về việc fax thành công nếu gửi bằng fax.

Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia bất kỳ thay đổi nào về địa chỉ, số điện thoại hoặc số fax tại từng thời điểm.

31.5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của cả hai Bên và được coi là Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng là bộ phận không thể tách rời Hợp đồng và có giá trị thực hiện như Hợp đồng.

31.6. Hợp đồng làm thành 08 bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 04 bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Khải



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Trương Công Phụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
GÓI THẦU: PHẦN THÂN - TRUNG TÂM ĐÀO TẠO FPT SOFTWARE ĐÀ NẴNG
DỰ ÁN: TRUNG TÂM ĐÀO TẠO FPT SOFTWARE ĐÀ NẴNG

Số: ~~04.2~~./2012/HĐXD-FDN-LB

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;

Căn cứ khả năng và nhu cầu hai bên;

Hôm nay, ngày ~~04~~ tháng 12 năm 2012 tại Đà Nẵng, chúng tôi gồm có:

A) CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT TẠI ĐÀ NẴNG

- Đại diện: Ông **Nguyễn Tuấn Phương** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Tòa nhà FPT, KCN Đà Nẵng, An Đông, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511 3958777 Fax: 0511 3958776
- Tài khoản số: 99888899004 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong, chi nhánh Đà Nẵng
- Mã số thuế: 0101601092-002

(trong Hợp Đồng này gọi tắt là “Bên A”)

B) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

- Đại diện: Ông **Lương Công Phụng** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 730 Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511 3913160 Fax: 0511 3913160
- Tài khoản số: 201021110301090 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh Đồng Đa Đà Nẵng.
- Mã số thuế: 0400566939



- Sau khi hoàn thành quyết toán hợp đồng, bên B nộp cho bên A chứng thư bảo lãnh tiền giữ lại phục vụ công tác bảo hành do ngân hàng phát hành.
- Giá trị bảo lãnh: tương ứng 05% giá trị quyết toán hợp đồng
- Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao gói thầu.

Điều 5: Nội dung công việc hợp đồng

5.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thi công gói thầu: Phần thân - Trung tâm đào tạo FPT Software Đà Nẵng - dự án Trung tâm đào tạo FPT Software Đà Nẵng, tại địa điểm KCN Đà Nẵng, An Đông, phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là công trình), với nội dung sau:

Bên B thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong chỉ dẫn kỹ thuật được nêu tại mục B, chương IV - Phần thứ hai trong Hồ sơ mời thầu; được bên A chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Bên A được quyền thay đổi khối lượng công việc tùy theo nhu cầu thực tế của dự án. Khối lượng trong Hồ sơ mời thầu chỉ là cơ sở để bên B lập giá chào thầu và là cơ sở để tính giá trị tạm ứng đợt 1 cho bên B.

5.2. Hồ sơ và yêu cầu chất lượng xây dựng cơ bản tuân thủ theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

5.3. Phần giá trị phát sinh ngoài khối lượng dự thầu sẽ được thanh toán theo biên bản nghiệm thu thực tế, đơn giá thanh toán theo phụ lục số 01 hoặc theo đơn giá thỏa thuận giữa hai bên nếu ngoài những điều nêu trên.

5.4. Phụ lục 01 về đơn giá cố định kèm theo Hợp đồng này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 6: Thời hạn thực hiện hợp đồng

6.1. Thời hạn thực hiện gói thầu là: 93 (chín mươi ba) ngày, bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ và chủ nhật. Tiến độ Hợp đồng được tính kể từ ngày bàn giao mặt bằng là ngày 05/12/2012 (theo biên bản bàn giao mặt bằng) đến hết ngày 07/03/2013.

6.2. Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng nêu tại khoản 6.1. Bên B phải lập tiến độ chi tiết để trình cho bên A trong vòng 03 (ba) ngày sau ngày khởi công. Bên B cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi trong vòng 02 ngày sau ngày bên A gửi yêu cầu sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của bên B. Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

- a) Trình tự thực hiện công việc của nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;
- b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;
- c) Báo cáo tiến độ bên B phải thể hiện:



Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

Bên B được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng và phải được sự đồng ý của bên A.

Bên B phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì bên A sẽ thông báo cho bên B trong vòng 02 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của bên B. Bên A sẽ dựa vào bản tiến độ thi công ngày để yêu cầu bên B thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng.

6.3. Trường hợp Bên A chưa đủ các điều kiện để bàn giao mặt bằng thi công cho Bên B thì thời gian thực hiện Hợp đồng của Bên B sẽ được tự động gia hạn thêm thời gian tạm dừng hoặc chưa thi công do vướng mặt bằng. Trong trường hợp này, Bên B phải có thông báo bằng văn bản cho bên A ngay lập tức về việc vướng mặt bằng bao gồm vị trí vướng, diện tích vướng và nguyên nhân vướng để bên A kịp thời giải quyết

6.4. Tổng tiến độ thực hiện trên có thể được điều chỉnh thành nhiều giai đoạn khác nhau tùy thuộc vào tính thực tế của dự án, do bên A quyết định.

6.5 Tổng tiến độ thực hiện được thay đổi nếu xảy ra một trong hai trường hợp sau:

- Có sự thay đổi lớn về thiết kế mà sự thay đổi đó làm tạm dừng việc thi công của bên B.
- Các nhà thầu khác của chủ đầu tư chậm tiến độ mà việc chậm tiến độ đó làm tạm dừng việc thi công của bên B.

Nếu có sự thay đổi về thiết kế thì các bên thông báo cho nhau và có công văn trả lời trong vòng ba ngày Kể cả thứ 7, chủ nhật. Đồng thời hai bên lập tiến độ để tính thời gian dừng thi công chờ thay đổi thiết kế (trừ 03 ngày chờ trả lời công văn).

Về sự hợp tác của các nhà thầu: Bên B lập tiến độ tổng và kế hoạch phối hợp thi công đối với các nhà thầu phụ, báo cho chủ đầu tư trước 10 ngày (mười ngày) kể cả thứ 7 và chủ nhật.

Nếu các nhà thầu khác của Bên A không đảm bảo được tiến độ thi công của họ làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của bên B thì thời gian chờ việc được cộng vào tiến độ tổng.

Điều 7: Hình thức và giá trị hợp đồng:

7.1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định quy định tại phụ lục 01.

7.2. Giá trị hợp đồng tạm tính (đã gồm VAT) là: **7.765.184.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn).

Giá trị hợp đồng trên được tạm tính theo hồ sơ dự thầu của Bên B sau giảm giá, là cơ sở để tính tạm ứng đợt 01 cho Bên B trong quá trình thi công. Giá trị thanh toán sẽ được tính dựa trên khối lượng thi công thực tế và theo đơn giá cố định được lập tại phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng này.

7.3. Bổ sung, điều chỉnh giá trị so với Hợp đồng:

- a. Khối lượng phát sinh chỉ được tính nếu trong quá trình thi công Bên A có các thay đổi về khối lượng thi công so với bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt và gửi yêu cầu bằng văn bản cho Bên B. Những khối lượng phát sinh này được Bên B tính toán và trình Bên A phê duyệt trên cơ sở:



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

Điều 21: Điều khoản thi hành

Hợp đồng này được ký kết theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, không trái pháp luật và đạo đức xã hội trên cơ sở Bên B đã hiểu rõ các thông tin về dự án và gói thầu của Bên A.

Các Bên có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác, bảo đảm tin cậy lẫn nhau và đúng pháp luật, không xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Mọi sửa đổi bổ sung hợp đồng phải được lập thành văn bản và do đại diện Các Bên ký kết một cách hợp lệ.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, bao gồm 16 (mười sáu) trang và được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 04 (bốn) bản.





LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG

Số 156/2012/HĐKT/BNC-LB

< 195/2012 /HĐKT /BNC - LB >

Hạng mục: Nhà ga số 5

Công trình: Tuyến cáp treo số 3 Bà Nà - Suối Mơ

Địa điểm: Xã Hoà Ninh - Huyện Hoà Vang – TP Đà Nẵng

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

Đà Nẵng, năm 2012



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP
VẬT TƯ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG

Số : ~~1506~~/2012/HĐKT/BNC - LB *<195/2012/HĐKT/BNC - LB>*

Hạng mục: Nhà ga số 05
Công trình: Tuyến cáp treo số 3 Bà Nà – Suối Mơ
Địa điểm: Xã Hoà Ninh - huyện Hoà Vang – TP. Đà Nẵng

Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
Căn cứ các quy định hiện hành khác có liên quan của pháp luật Việt Nam;
Căn cứ nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên;

Hôm nay, ngày *21*...tháng *5*...năm 2012, tại Thành Phố Đà Nẵng, chúng tôi gồm có các bên:

Chủ Đầu Tư (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Đại diện bởi: Ông **Nguyễn Huy Phương** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511-3791289; Fax: 0511-3791290
Giấy chứng nhận ĐKKD và Đăng ký Thuế số: 0400585547.

Nhà thầu (Bên B): CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

Đại diện bởi: Ông **Lương Công Phụng** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: 730 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0511-3913160 Fax: 0511-3913160
Tài khoản: 201021110301090
Tại NH: Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh Đồng Đa Đà Nẵng
Giấy chứng nhận ĐKKD và Đăng ký Thuế số: 0400566939

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp vật tư và thi công xây dựng (sau đây gọi tắt là «Hợp Đồng») với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc:



1.1 Toàn bộ công việc do Bên B thực hiện theo Hợp Đồng cho khu dự án Cấp treo Bà Nà - Suối Mơ tại Xã Hòa Ninh - Huyện Hòa Vang – Thành Phố Đà Nẵng (sau đây gọi là Công Trình) gồm có:

- Cung ứng vật tư, vật liệu thi công ;
- Xây dựng nhà ga số 05 của tuyến cáp treo số 3 Bà Nà – Suối Mơ (Sau đây gọi tắt là ‘Công Việc’)

1.2 Chi tiết khối lượng Công Việc được nêu tại Phụ lục 1: Phạm vi công việc thực hiện - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, và đơn giá thực hiện theo Phụ lục 3: Đơn giá chi tiết được đính kèm Hợp Đồng này. Bên A và Bên B tại đây thỏa thuận rằng Hợp Đồng này là « Hợp đồng theo đơn giá cố định » theo đó Bên B sẽ thực hiện mọi Công Việc theo đơn giá cố định qui định tại Hợp Đồng để hoàn thành Công Việc theo các điều kiện của Hợp Đồng.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện các Công Việc theo các tiêu chuẩn sau đây:

- (i) đúng thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu của Bên A ;
- (ii) qui chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam ;
- (iii) các qui định pháp luật liên quan của Việt Nam

2.2 Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với chất lượng Công Trình do mình thực hiện. Việc bên A chấp nhận phê chuẩn đối với các tài liệu, kiến nghị, đề xuất do bên B đệ trình và/hoặc tiến hành nghiệm thu giai đoạn cho các phần Công Việc và/hoặc toàn bộ Công Việc do Bên B hoàn thành không có nghĩa là bên B được miễn trừ trách nhiệm đối với chất lượng của Công Trình cũng như trách nhiệm đền bù thiệt hại xảy ra (nếu có) trong thời gian thực hiện Hợp Đồng và thời gian bảo hành Công Trình.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện:

3.1 Thời gian thực hiện Hợp đồng này là: 150 ngày (bao gồm những ngày lễ và chủ nhật), thời điểm hoàn thành Công Trình là ngày 15 tháng 10 năm 2012.

3.2 Tiến độ chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 - Tiến độ thực hiện công việc và các mốc thời gian đính kèm Hợp Đồng này bao gồm tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị và nhân lực.



- 3.3 Tiến độ thực hiện Hợp Đồng có thể được Bên A gia hạn và/hoặc điều chỉnh bằng văn bản khi Bên B có đề xuất hợp lý hoặc khi Bên A thấy cần phải điều chỉnh tùy thuộc vào yêu cầu của Công Trình và/hoặc dự án.

Điều 4: Giá trị tạm tính hợp đồng :

- 4.1 Giá trị tạm tính hợp đồng: Căn cứ vào qui định của Hợp Đồng về nội dung công việc, tiến độ thực hiện và chất lượng công việc mà Bên B phải hoàn thành cho Bên A, hai bên thống nhất giá trị tạm tính Hợp Đồng là: **7.506.549.000 đồng**.

(Bảy tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng chẵn)

Đơn giá trên bao gồm VAT (sau đây gọi là « Giá Trị Hợp Đồng »)

Giá Trị Hợp Đồng này là trọn gói bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí cung cấp vật tư; chi phí máy móc, phương tiện vận chuyển; chi phí nhân công; chi phí các loại bảo hiểm cho nhân công, bảo hiểm máy móc, thiết bị phương tiện của Bên B; các loại thuế, phí và lệ phí và các chi phí liên quan khác để Bên B hoàn thành trọn vẹn Công Việc. Bên A không có trách nhiệm thanh toán cho Bên B bất kỳ chi phí nào khác ngoài Giá trị Hợp Đồng.

- 4.2 Đơn giá chi tiết được nêu tại Phụ lục 3 – Đơn giá chi tiết. Đơn giá hợp đồng là đơn giá cố định, không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng.

Các đơn giá nêu tại Phụ lục 3 của Hợp Đồng đã bao gồm các rủi ro cho Bên B như mưa, bão, lũ lụt, động đất hoặc các điều kiện thiên nhiên khác, các Sự Kiện Bất Khả Kháng khiến cho Công Trình/hoặc phần nào đó của Công Trình hoặc Công Việc chưa hoàn thiện bị phá hủy hoàn toàn hoặc một phần.

- 4.3 Bên A bảo lưu quyền được điều chỉnh các tiêu chí kỹ thuật và/hoặc khối lượng Công Việc từ đó sẽ điều chỉnh Giá Trị Hợp Đồng tương ứng với đơn giá như sau :

- Bên A sẽ áp dụng cùng một đơn giá đã thỏa thuận tại Hợp Đồng cho cùng một công việc được điều chỉnh;
- Nếu Hợp Đồng có nhiều đơn giá cho cùng một công việc được điều chỉnh, Bên A sẽ sử dụng đơn giá thấp nhất để điều chỉnh Giá Trị Hợp Đồng;
- Nếu đơn giá cho công việc điều chỉnh chưa có trong Hợp Đồng, Bên A sẽ sử dụng đơn giá đang áp dụng trên thị trường vào thời điểm điều chỉnh Giá Trị Hợp Đồng;

- 4.4 Bên A sẽ chỉ thanh toán cho Bên B theo khối lượng, chất lượng Công Việc được Bên A thực tế nghiệm thu. Trong thời gian tạm dừng thực hiện Hợp Đồng, bên B không được yêu cầu bên A thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho bất kỳ chi phí nào.

Trang -3-

- Hợp đồng này thay thế mọi thoả thuận trước đây giữa Bên A và Bên B bao gồm cả thoả thuận bằng văn bản hoặc bằng miệng dưới bất kỳ hình thức nào trừ những văn bản đề cập trong Hợp Đồng này với điều kiện những văn bản đó không mâu thuẫn với Hợp Đồng này.
- Hợp đồng làm thành 08 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 02 bản
- Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp lực này có hiệu lực kể từ ngày ký ghi tại trang đầu của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

GIÁM ĐỐC

GIAM ĐỐC
Nguyễn Hưng Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Lương Công Phụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- 000 -----

HỢP ĐỒNG
THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: *C/CS*/HD-XD, ngày 1 tháng 8 năm 2011

- Công trình: KHÁCH SẠN – BAR – KARAOKE PHƯƠNG ĐÔNG
- Hạng mục: GIAI ĐOẠN 1 TRỤC(A-B, 1-9) : BAR – KARAOKE – KHÁCH SẠN
- Địa điểm XD: 20 ĐỒNG ĐA Q HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.

Giữa
CÔNG TY TNHH HỮU THANH
Và
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

Đà Nẵng, năm 2011



Công trình: KHÁCH SẠN – BAR – KARAOKE PHƯƠNG ĐÔNG

Phần thứ nhất

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 04/HD-XD

Về việc: Thi công phần thô giai đoạn 1

Công trình: KHÁCH SẠN – BAR – KARAOKE PHƯƠNG ĐÔNG

I. Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;
- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật XD;
- Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ về việc hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng;
- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa trường Công ty TNHH Hữu Thanh và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Bình ngày tháng năm 2011;

Hôm nay, ngày 04 tháng 07 năm 2011 tại Công ty CP Xây Dựng TM Long Bình, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. Đại diện các bên ký kết hợp đồng:

1. Bên Chủ đầu tư (Bên A):

- Tên cơ quan: **Công ty TNHH Hữu Thanh**
- Trụ sở chính: **Số 20, Đường Đồng Đa, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng**
- Đại diện là Bà: **Nguyễn Thị Thanh Hòa**
- Chức vụ: **Giám Đốc**
- Điện thoại: **0511.262.0056**
- Mã số thuế: **0400447057**

Hợp đồng thi công xây dựng - Gói thầu: Xây lắp phần thô giai đoạn 1

- 1 -



Công trình: KHÁCH SẠN – BAR – KARAOKE PHƯƠNG ĐÔNG

2. Bên nhận thầu (Bên B):

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Bình
- Trụ sở chính: 730 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng.
- Đại diện là ông: **Lương Công Phụng**
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 05113.913160
- Tài khoản số: 52050013520400020 v 0050100000797001
- Mã số thuế: 0400566939
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đại Dương CN Chợ Cồn và NH TMCP Phương Đông CN Trung Việt - TPĐN
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0400566939

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY LẬP VỚI CÁC NỘI DUNG SAU**

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng toàn bộ phần khối lượng xây lắp phần thô gói thầu: **KHÁCH SẠN – BAR – KARAOKE PHƯƠNG ĐÔNG**; theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 2. Thành phần hợp đồng.

- Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau;
 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục khác);
 2. Biên bản thương thảo hợp đồng;
 3. Quyết định chỉ định thầu
 4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT);
 5. Điều kiện chung của hợp đồng (ĐKC);
 6. HSDT của nhà thầu trúng thầu;
 7. Hồ sơ mời thầu;
 8. Các sửa đổi bổ sung bằng văn bản;
 9. Các tài liệu kèm theo khác.
- Các tài liệu trên được coi là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo đúng thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Hợp đồng thi công xây dựng - Gói thầu: Xây lắp phần thô giai đoạn 1

- 2 -



Công trình: KHÁCH SẠN – BAR – KARAOKE PHƯƠNG ĐÔNG

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: **32.731.237.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn đồng)

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng (Điều 31 Điều kiện chung và Điều 32 Điều kiện cụ thể).

Điều 6. Hình thức hợp đồng:

Hình thức hợp đồng : Hợp đồng theo đơn giá dự thầu.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 195 ngày kể từ ngày khởi công công trình.

Ngày khởi công : 04/08/2011

Ngày hoàn thành : / /2012

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể ngày hai bên ký kết hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng và tiến hành thanh lý hợp đồng theo Luật định.
3. Hợp đồng được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.



GIÁM ĐỐC
Lương Công Phụng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH
ĐỊA CHỈ: SỐ 730 ĐƯỜNG NGÔ QUYÊN, Q. SƠN TRÀ TP. ĐÀ NẴNG

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Số:

DỰ ÁN: KHÁCH SẠN SEVENTEEN SALOON

ĐỊA ĐIỂM: Z72-Z73 ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO Q. S. TRÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.

GÓI THẦU: XÂY LẬP PHẦN THÔ

ĐƠN VỊ GIAO THẦU: CÔNG TY TNHH LAMDA

ĐƠN VỊ NHẬN THẦU: CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 08 năm 2011



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

TP.HCM, ngày 23 tháng 08 năm 2011

HỢP ĐỒNG

(Số: 23.08.2011)

Về việc: Thi công xây dựng công trình

Gói thầu xây lắp:

Công trình : **Khách sạn Seventeen Saloon.**

Địa điểm XD : **Z72-73 Trần Hưng Đạo, Sơn Trà, Đà Nẵng**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội; Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội; Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên giao thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư : Công ty TNHH lamda

Địa chỉ : 234/45/14 đường Dương Quảng Hàm, P.6, Q. Gò Vấp, TPHCM.

Mã số thuế : 0303415564

Fax : 08.54464418

E mail : lamda9842934@yahoo.com.vn

Số tài khoản : 56732199 ngân hàng ACB chi nhánh Văn Lang Q.Gò Vấp, TPHCM.

Đại diện là ông : DƯƠNG THANH MINH

Chức vụ : Giám Đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Đại diện đơn vị thi công : Công ty CP Xây Dựng TM Long Bình

Địa chỉ : 730 Đường Ngô Quyền Q Sơn Trà TP Đà Nẵng

Điện thoại : 05113.913160

Fax : 05113.913160

E-mail : ctylongbinh@yahoo.com.vn

Tài khoản : 52050013520400020. Tại ngân hàng OCEANBANK chi nhánh chợ cồn Đà Nẵng.

Mã số thuế : 0400566939

Đại diện là ông : Lương Công Phụng

Chức vụ : Giám Đốc



Hai bên cùng nhau bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng giao nhận thi công giao nhận thi công mới tòa nhà với những điều khoản sau:

Điều 1: Bên A đồng ý cho bên B nhận thi công phần thô

(Bao gồm nhân công hoàn thiện và cung cấp vật tư được liệt kê theo bảng sau:)

STT	TÊN VẬT TƯ	CHUNG LOẠI	GHI CHÚ
1	Cốt thép của BT	SD390	Povina, miền nam
2	Xi măng PC40	Kim định, coseco	theo vùng
3	Bê tông Thương phẩm	Đãng hải, hòa cầm	Có phụ gia chống thấm cho hầm.
4	Cát	Theo vùng	TCVN
5	Đá	Theo vùng	TCVN
6	Gạch ống 8*18	Tuynel	Điện ngọc, duy hòa
7	Gạch dỉnh 4*19	Tuynel	Điện ngọc, duy hòa
8	Ống cấp nước lạnh	Bình minh	PVC
9	Ống thoát nước lạnh	Bình minh	PVC
10	Ống cấp nước nóng	Toro (ý)	PP-R
11	Bột trét tường ngoài, nội thất	joton	
12	Ống dẫn điện nguồn, chiếu sáng, để âm tường	Sino	
13	Dây dẫn điện nguồn, chiếu sáng	cadivi	

Điều 2: Các tài liệu sau đây được coi là một phần của hợp đồng, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.

- Các tài liệu
 - Bản vẽ thiết kế chi tiết do công ty lamda cung cấp ngày 21/ 6/ 2011 do bên A đã duyệt
- Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật
 - Phải thực hiện đúng theo bản vẽ mà Bên A cung cấp, đảm bảo sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam.
 - Trong quá trình thi công phải đảm bảo về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
 - Tất cả các công việc thi công phải đảm bảo việc tuyệt đối chất lượng, kỹ-mỹ thuật cho công trình.

Điều 3: Thời gian thực hiện và hoàn thành công trình

- Ngày khởi công: **30 tháng 08 năm 2011.**
- Thời gian hoàn thành : 340 ngày lịch kể từ ngày khởi công
- Thời gian hoàn thành giai đoạn 1 là 200 ngày lịch kể từ khi khởi công (Giai đoạn 1 gồm : phần bê tông hoàn thành và xây tô xong lầu 1,2,3.
Để đơn vị thầu phụ bắt đầu tiến hành công tác nội thất.)
- Trong trường hợp sau đây sẽ kéo dài thời gian thực hiện:
 - Bất khả kháng như: Mưa lớn, bão, lũ lụt, động đất.
 - Do thay đổi khối lượng xây lắp, thiết kế, do yêu cầu ngừng thi công của Bên A (Các trường hợp trên phải được cả hai xác nhận bằng văn bản kèm theo hồ sơ nghiệm thu)
- Bên B phải thực hiện đúng tiến độ đã cam kết

Điều 4: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng

**4.1 Điều kiện nghiệm thu:**

- Khi công trình thi công hoàn thành, Bên A có trách nhiệm bố trí bộ phận nghiệm thu theo quy định hiện hành trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày Bên B thông báo đã hoàn thành công việc bằng văn bản và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nghiệm thu.
- Bên B phải hoàn thành hồ sơ Quyết toán chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng.

4.2 Điều kiện bàn giao công trình

- Bên B phải đảm bảo các điều kiện về chất lượng thi công và Hồ sơ pháp lý để hai bên tiến hành làm biên bản nghiệm thu bàn giao công trình. Hồ sơ quyết toán là chứng cứ pháp lý để hai bên tiến hành thanh quyết toán công trình.
- Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng

Điều 5: An toàn, an ninh và bảo vệ môi trường – Bảo hành xây lắp công trình

- An toàn, an ninh bảo vệ môi trường
 - Bên B phải đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường trong khi thực hiện hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thi công cuốn chiếu, gọn, vật liệu thừa phải vận chuyển đi ngay nơi khác, không để tồn đọng trên công trường Bảo hành công trình
 - Thời gian bảo hành công trình là 01 năm kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào công trình sử dụng.
 - Khi công trình có hư hỏng do lỗi thi công và nhận được thông báo của Bên A, trong vòng 72h Bên B phải triển khai công tác sửa chữa. Nếu chậm trễ Bên A sẽ thuê đơn vị khác vào sửa chữa, mọi phí tổn Bên B phải chịu 100%
- Mức tiền cam kết bảo hành công trình:
 - Chi phí bảo hành: 5% giá trị quyết toán sẽ được Bên A giữ lại (bằng chứng thư bảo lãnh ngân hàng).
 - Bên B chỉ được xóa chứng thư bảo lãnh ngân hàng sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 6: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

6.1. Tổng giá trị hợp đồng được thỏa thuận: 15,300,000,000vnd.

Bằng chữ: (Muoi lăm tỷ, ba trăm triệu đồng). (Đã bao gồm thuế 10%)

Diện tích được tính 50% đơn giá là DT lộ thiên

Diện tích được tính 100% đơn giá là DT không lộ thiên)

Giá trị quyết toán: nghiệm thu theo diện tích thi công thực tế

STT	HẠNG MỤC	ĐVT.	KL.	ĐG	THÀNH TIỀN
1	Tầng hầm	M ²	240	10,000,000	2,400,000,000
2	Tầng trệt	M ²	240	3,850,000	924,000,000
3	Tầng lững	M ²	126	3,850,000	485,100,000
4	Lầu 1	M ²	260	3,850,000	1,001,000,000
5	Lầu 2	M ²	260	3,850,000	1,001,000,000
6	Lầu 3	M ²	250	3,850,000	962,500,000
7	Lầu 4	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000
8	Lầu 5	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000
9	Lầu 6	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000
10	Lầu 7	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000
11	Lầu 8	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000




12	Lầu 9	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000
13	Lầu 10	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000
14	Lầu 11	M ²	278	3,850,000	1,070,300,000
15	Sân thượng				
	Phần được che kín	M ²	118	3,850,000	454,300,000
	Phần không che kín	M ²	160	2,000,000	320,000,000
16	Sân mái	M ²	118	2,000,000	236,000,000
17	Hệ thống ống nước nóng				355,000,000
	CÔNG				16,701,300,000
18	Hệ thống ống & dây điện				556,285,657
	TỔNG				17,257,585,657
19	Trừ tiền thiết kế phí				-257,585,657
	Tổng giá trị				17,000,000,000
20	Trừ chi phí quản lý bên A 10%				-1,700,000,000
21	Giá trị thanh toán				15,300,000,000

Bằng chữ: (mười lăm tỷ ba trăm triệu đồng y)

6.2. Phương thức thanh toán theo những như đợt sau:

Bên A thanh toán chuyển khoản các đợt như sau:

- Đợt 1: - Sau khi ký hợp đồng tạm ứng 20% , 3.060.000.000 đ
 - Đợt 2: - Đổ xong bê tông tầng hầm ứng 5%. 765.000.000 đ
 - Đợt 3: - Đổ xong bê tông tầng trệt ứng 5%. 765.000.000 đ
 - Đợt 4: - Đổ xong bê tông tầng lững và lầu 1 ứng 9%. 1.377.000.000 đ
 - Đợt 5: - Đổ xong bê tông lầu 2+3+4 ứng 9%. 1.377.000.000 đ
 - Đợt 6: - Đổ xong bê tông lầu 5+6+7 ứng 9%. 1.377.000.000 đ
 - Đợt 7: - Đổ xong bê tông lầu 8+9+10 ứng 9%. 1.377.000.000 đ
 - Đợt 8: - Đổ xong bê tông lầu 11 + tầng mái ứng 6%. 918.000.000 đ
 - Đợt 9: - Xây tường tầng trệt đến tầng 5. 350.000.000 đ
 - Đợt 10: - Xây tường tầng 6 đến tầng mái. 350.000.000 đ
 - Đợt 11: - Tô tường tầng trệt đến tầng 5. 250.000.000 đ
 - Đợt 12: - Tô tường tầng 6 đến tầng mái. 250.000.000 đ
 - Đợt 13: - Ốp lát tầng mái đến tầng 6. 200.000.000 đ
 - Đợt 14: - Ốp lát tầng 5 đến tầng trệt. 200.000.000 đ
 - Đợt 15: - Hệ thống ống nước nóng lạnh tầng trệt đến tầng 5. 300.000.000 đ
 - Đợt 16: - Hệ thống ống nước nóng lạnh tầng 6 đến tầng mái. 300.000.000 đ
 - Đợt 17: - Hệ thống dây điện ngầm thi công được 50%. 250.000.000 đ
 - Đợt 18: - Hệ thống dây điện ngầm thi công 50% còn lại. 250.000.000 đ
 - Đợt 19: - Bả matit toàn nhà ứng. 219.000.000 đ
 - Đợt 20: - Thi công hoàn thiện bàn giao công trình ứng. 600.000.000 đ
 - Tổng các đợt ứng. **14.535.000.000 đ**
 - Bảo hành công trình. 765.000.000 đ
 - Tổng giá trị công trình. **15.300.000.000 đ**
- Tất cả những đợt ứng trên bên B phải làm bảo chứng ngân hàng cho bên A.
- Bên B không tính trượt giá trong suốt thời gian thi công.

Điều 7: Bảo hiểm công trình



- Tổng mức phạt vi phạm cho cả vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng và vi phạm về chất lượng xây dựng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng.

- Phạt do chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo điều 6.2 của hợp đồng này tính theo lãi xuất cho vay của ngân hàng / ngày và cộng thêm thời gian chậm thanh toán vào tiến độ thi công của công trình.

*** Thương hợp đồng :**

- Mức thưởng do đẩy nhanh tiến độ thi công công trình : 20.000.000đồng/ngày, tối đa là 15 ngày/30 ngày

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu phải gửi bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 7 ngày sau khi cả hai bên đã ký hợp đồng, giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng = 5% x giá trị hợp đồng, được bảo lãnh bằng chứng thư ngân hàng hoặc nộp tiền mặt cho Bên A.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo lãnh có giá trị và có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công và hoàn thành công trình, thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng tính từ ngày khởi công đến sau khi hoàn thành thủ tục quyết toán công trình 15 ngày (Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: theo mẫu do bên A cung cấp).

Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 15 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn giá trị của Bảo đảm thực hiện cho tới khi công việc hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Chủ đầu tư phải trả lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trong vòng 7 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao công trình.

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thống nhất trong hợp đồng này, không bên nào làm trái hoặc tự ý thay đổi điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, không bên nào được đơn phương hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hiệu lực hợp đồng: hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TP. HCM, ngày 23 tháng 08 năm 2011



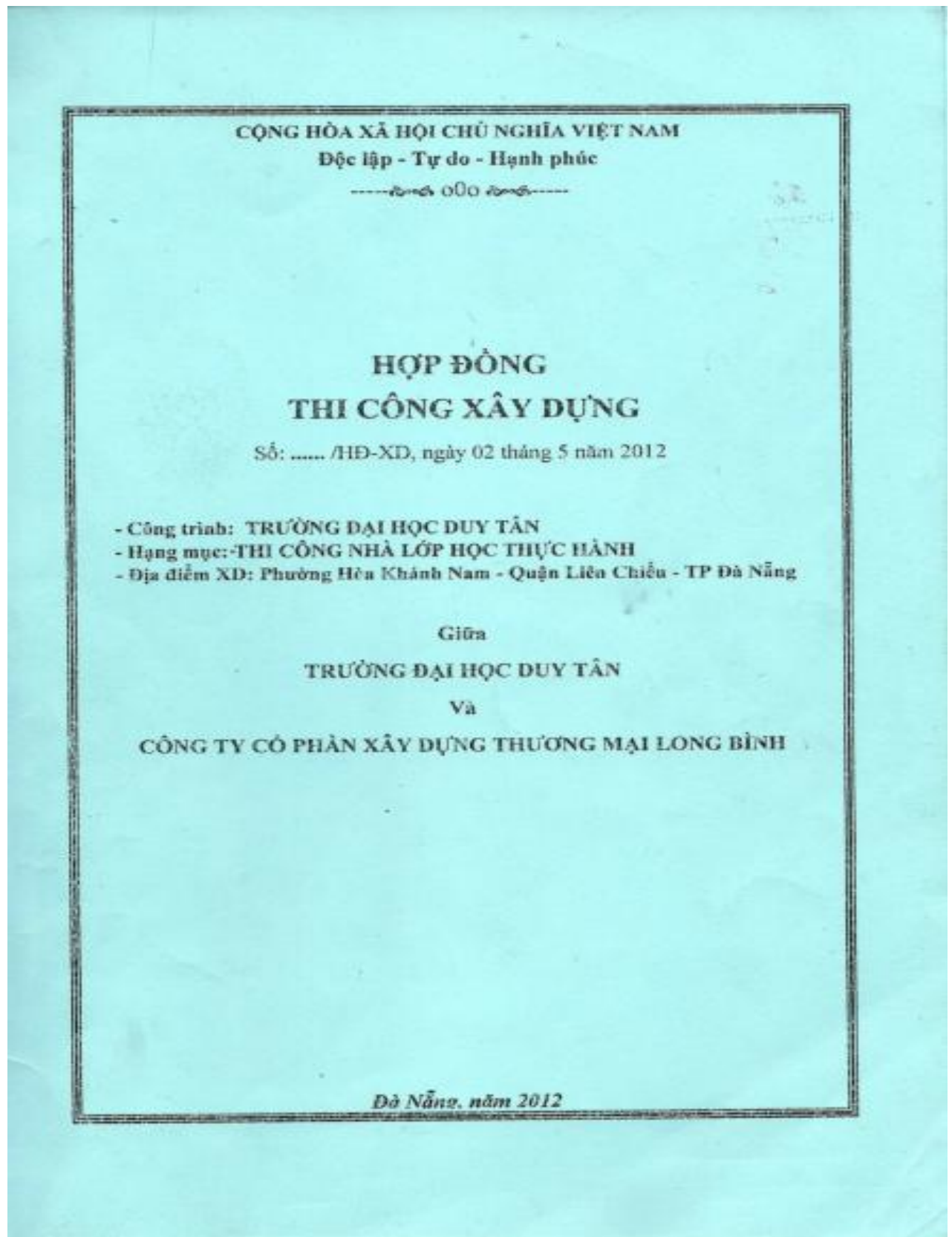
GIÁM ĐỐC
Lương Công Phụng





LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty





Công trình: Trường Đại học Duy Tân

Phần thứ nhất

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 096/5HD-XD

**Về việc: Thi công nhà lớp học thực hành
Công trình: Trường Đại học Duy Tân**

I. Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;
- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật XD;
- Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ về việc hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng;
- Quyết định số 332/QĐ-ĐHDT ngày 30/02/2012 của Chủ tịch Hội đồng quản trị trường Đại học Duy Tân về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trường Đại học Duy Tân; Hạng mục: Nhà lớp học thực hành;
- Quyết định số 1385/QĐ-ĐHDT ngày 31/12/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị trường Đại học Duy Tân về việc phê duyệt hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và dự toán dự án đầu tư xây dựng công trình Trường Đại học Duy Tân; Hạng mục: Nhà lớp học thực hành;
- Quyết định số 859A /QĐ-ĐHDT ngày 04/4/2012 Chủ tịch Hội đồng quản trị trường Đại học Duy Tân về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu và Hồ sơ mời thầu gói thầu: Thi công nhà lớp học thực hành thuộc dự án: Trường Đại học Duy Tân;

Hợp đồng thi công xây dựng - Gói thầu: Thi công nhà lớp học thực hành

- 1 -



Công trình: Trường Đại học Duy Tân

- Quyết định số 1014A/QĐ-ĐHDT ngày 26/4/2012 Chủ tịch Hội đồng quản trị trường Đại học Duy Tân về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thi công nhà lớp học thực hành thuộc dự án: Trường Đại học Duy Tân;

- Thông báo số 193B/TB-ĐHDT ngày 26/4/2012 của trường Đại học Duy Tân về việc thông báo kết quả trúng thầu gói thầu: Thi công nhà lớp học thực hành thuộc dự án: Trường Đại học Duy Tân;

- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa trường Đại học Duy Tân và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Bình ngày 27 tháng 4 năm 2012;

Hôm nay, ngày 02 tháng 5 năm 2012 tại trường Đại học Duy Tân, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. Đại diện các bên ký kết hợp đồng:

- Tên cơ quan: **Trường Đại học Duy Tân**
- Trụ sở chính: **21 Nguyễn Văn Linh - Tp Đà Nẵng**
- Đại diện là ông: **Lê Công Cơ**
- Chức vụ: **Hiệu trưởng**
- Điện thoại: **0511.3816875**
- Mã số thuế: **0400396388**

2. Bên nhận thầu (Bên B):

- Tên nhà thầu: **Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Bình**
- Trụ sở chính: **730 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng.**
- Đại diện là ông: **Lương Công Phụng**
- Chức vụ: **Giám đốc**
- Điện thoại: **05113.913160**
- Tài khoản số: **201021110301090**
- Mã số thuế: **0400566939**
- Mở tại: **Ngân hàng No và PTNT – Chi nhánh Đồng Đa Đà Nẵng**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: **0400566939**

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY LẬP VỚI CÁC NỘI DUNG SAU**

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Hợp đồng thi công xây dựng - Gói thầu: Thi công nhà lớp học thực hành

- 2 -



Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng toàn bộ phần khối lượng xây lắp gói thầu; thi công nhà lớp học thực hành thuộc Dự án: Trường Đại học Duy Tân theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 2. Thành phần hợp đồng.

- Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau;

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT);
5. Điều kiện chung của hợp đồng (ĐKC);
6. HSDT của nhà thầu trúng thầu;
7. Hồ sơ mời thầu;
8. Hồ sơ thiết kế được duyệt;
9. Các sửa đổi bổ sung bằng văn bản;
10. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
11. Các văn bản có liên quan đến việc dự thầu và xét thầu;
12. Các tài liệu kèm theo khác.

- Các tài liệu trên được coi là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo đúng thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: **9.030.249.000 đồng**

(Bằng chữ: Chín tỷ, không trăm ba mươi triệu, hai trăm bốn chín ngàn đồng)

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng (Điều 31 Điều kiện chung và Điều 32 Điều kiện cụ thể).

Điều 6. Hình thức hợp đồng:

Hình thức hợp đồng : Hợp đồng theo đơn giá dự thầu.



Công trình: Trường Đại học Duy Tân

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 88 ngày kể từ ngày khởi công công trình.

Ngày khởi công : 04/5/2012

Ngày hoàn thành : 30/7/2012

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể ngày hai bên ký kết hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng và tiến hành thanh lý hợp đồng theo Luật định.
3. Hợp đồng được làm thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 04 bản/.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CHIEU TRƯỞNG
Lê Công Cơ

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Lương Công Phụng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH
ĐỊA CHỈ: SỐ 730 ĐƯỜNG NGÔ QUYÊN, Q. SƠN TRÀ TP. ĐÀ NẴNG

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Số: 24/03 - 11/HDXD

DỰ ÁN:

KHÁCH SẠN KHÁNH DUNG

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ 19-20 ĐƯỜNG HỒ NGHINH, QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.

GÓI THẦU:

THI CÔNG KHÁCH SẠN KHÁNH DUNG

ĐƠN VỊ GIAO THẦU:

CÔNG TY TNHH NGÂN DUNG

ĐƠN VỊ NHẬN THẦU:

CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2011



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**CÔNG TRÌNH KHÁCH SẠN KHÁNH DUNG**

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực thực tế của các Bên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 03 năm 2011, tại trụ sở Công ty cổ phần xây dựng thương mại Long Bình. Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết hợp đồng gồm có:

BÊN A (BÊN GIAO THẦU): CÔNG TY TNHH NGÂN DUNGĐại diện là ông: **TRẦN VĂN TRUNG**Chức vụ: **Tổng giám đốc Công ty.**Địa chỉ: **02 TRẦN THỊ LÝ - Q HẢI CHÂU TP ĐÀ NẴNG**

Điện thoại: 05113.611990 Fax: 05113.622588

Tài khoản số: 19696979 **0935705224**

Mở tại: Ngân hàng VP bank- CN Đà Nẵng

Mã số thuế: **0401381923****BÊN B (BÊN NHẬN THẦU): CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH**Đại diện là ông: **LƯƠNG CÔNG PHỤNG**Chức vụ: **Giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị**Địa chỉ: **Số 730 Đường Ngô Quyền – Thành phố Đà Nẵng**

Điện thoại: 0511.3913160 Fax: 0511.3913160

Tài khoản số: 20101110301090

Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh ^{Đà} NẵngMã số thuế: **0400566939**

Cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC**1.1 Hình thức hợp đồng:**

Hợp đồng trọn gói phần thô theo hồ sơ thiết kế thi công.

1.2 Nội dung công việc:

Bên A giao cho Bên B thi công phần móng và phần thân - hạng mục phần thô khách sạn **Khánh Dung** theo đúng Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do công ty An Nguyên thiết kế tháng 03 năm 2011 và đã được đơn vị chủ đầu tư phê duyệt.

1.3 Cách tính giá trị hợp đồng theo hồ sơ thiết kế quy đồng theo m2 sàn.

- Tính theo da ngoài tường của từng tầng theo giọt nước mưa không trừ lỗ cầu thang máy, cầu thang bộ, lỗ thông tầng.
- Diện tích móng và tầng hầm tính cho 1 tầng.
- Các tầng còn lại tính theo m2 sàn bê tông từ tầng 1 đến tầng mái.



Bên A có quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ số tiền là "Giá trị Trách nhiệm Bảo hành" để tự tiến hành hoặc thuê một bên thứ ba khắc phục tình trạng đó. Trong trường hợp này, Bên B không có quyền đòi lại số tiền mà Bên A đã phải sử dụng để bảo hành công trình.

- c. Bên B chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành bằng văn bản.

ĐIỀU 6: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG:

6.1 Giá trị của hợp đồng là:

- Đơn giá tính cho 1m² sàn theo nội dung trong hợp đồng là: 4.140.000đ/1m² sàn
- Bảng chữ: (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng y) (đơn giá trên đã bao gồm cả thuế VAT).
- Khối lượng tạm tính là: 2.450m² x 4.140.000đ/1m² = 10.143.000.000 đồng
- Bảng chữ: (Mười tỷ, một trăm, bốn mươi ba triệu đồng y)

- Đơn giá trên không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và là giá để Bên A thanh toán cho Bên B khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm theo hợp đồng.
- Những hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng thì hai bên thỏa thuận theo đơn giá tại thời điểm phát sinh.

6.2. Bổ sung, điều chỉnh khối lượng so với Hợp đồng:

- a. Khối lượng phát sinh chỉ được tính nếu trong quá trình thi công Bên A có các thay đổi về khối lượng thi công so với bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt và gửi yêu cầu bằng văn bản cho Bên B. Những khối lượng phát sinh này được Bên B tính toán và trình Bên A phê duyệt trên cơ sở:
- Nếu khối lượng công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng (theo bảng dự toán chi tiết phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng) thì giá trị phần khối lượng phát sinh sẽ được tính theo đơn giá đó.
 - Nếu khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng, thì hai bên thống nhất xây dựng đơn giá mới trên cơ sở định mức và đơn giá trong Hồ sơ đề xuất trước khi thực hiện.
- Các khối lượng phát sinh, giá trị phát sinh và hình thức thanh toán phần phát sinh sẽ được hai bên thống nhất lập thành Phụ lục hợp đồng bổ sung kèm theo Hợp đồng này và thanh toán khi công việc phát sinh được hoàn thành các hồ sơ thủ tục.

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN:

7.1. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán chia thành 10 đợt, mỗi đợt tương đương với khối lượng đã thi công, bên A thanh toán cho bên B 90% giá trị khối lượng từng đợt và xuất hóa đơn VAT tương đương với khối lượng đợt đó. Công tác nghiệm thu hoàn tất thủ tục thanh toán từng đợt trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên A ký nhận hồ sơ khối lượng thanh toán của đợt đó.
- Sau khi hai bên ký hợp đồng, bên B tập kết nhân sự, công cụ, dụng cụ thi công và phát chứng thư bảo lãnh của ngân hàng cho bên A. Thì bên A tạm ứng trước cho bên B số tiền bằng 20% giá trị hợp đồng. Tương đương với số tiền là: 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng). Số tiền tạm ứng trên sẽ được trừ vào các đợt ứng từ đợt 1 đến đợt 6 theo hợp đồng.
- **Đợt 1:** Sau khi Bên B thi công xong và nghiệm thu đợt 1: công tác bê tông phần móng tầng hầm, thì Bên A chuyển cho Bên B số tiền là: 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng y)
 - Số tiền trừ tạm ứng ban đầu của đợt 1 là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng y)
- **Đợt 2:** Sau khi Bên B thi công xong và nghiệm thu đợt 2: công tác bê tông sàn tầng 1,2,3 thì Bên A thanh toán tiếp cho Bên B số tiền là: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng y)
 - Số tiền trừ tạm ứng ban đầu của đợt 2 là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng y)



- i. Việc thi công phải đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận và bảo hộ lao động cho công nhân. Nếu gây thiệt hại, Bên B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
- j. Trong phạm vi nghĩa vụ và trách nhiệm của hợp đồng, Bên B có trách nhiệm và nghĩa vụ phối hợp và tạo điều kiện thi công thuận lợi cho các nhà thầu khác do Bên A thuê (nếu có).
- k. Trong trường hợp xảy ra sự cố, Bên B phải chủ động có biện pháp ngăn chặn, xử lý ngay nhằm hạn chế tối đa hậu quả thiệt hại.
- l. Thực hiện quản lý chất lượng thi công công trình theo đúng qui định của pháp luật.
- m. Tập hợp hồ sơ phục vụ việc thanh quyết toán.

15.3. Trách nhiệm và quyền hạn của Kỹ sư:

- a. Kỹ sư chịu trách nhiệm thay mặt cho Bên A để giám sát việc thực hiện hợp đồng trên công trường.
- b. Kỹ sư (được ủy quyền) có quyền đình chỉ thi công khi phát hiện Bên B vi phạm hợp đồng.
- c. Việc đình chỉ thi công dẫn đến chậm tiến độ thi công thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị phạt tiến độ như điều 13.1.

ĐIỀU 16: NGÔN NGỮ VÀ LUẬT ÁP DỤNG:

- Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt Nam.
- Luật áp dụng là luật pháp nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 17: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- 17.1. Các tài liệu sau được coi là một phần không thể tách rời khỏi hợp đồng này:
 - Hồ sơ đề xuất của nhà thầu.
 - Các tài liệu, chỉ dẫn kỹ thuật và bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt
 - Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản được hai bên ký kết, các phụ lục hợp đồng.
 - Bảo lãnh đối với tiền tạm ứng và bảo lãnh đối với tiền bảo hành (nếu có).
- 17.2. Nếu giữa các tài liệu trên đây có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn thì thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp khi áp dụng sẽ là:
 - Các thỏa thuận, sửa đổi, bổ sung bằng văn bản được hai bên ký kết sau.
 - Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng.
- 17.3. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.
- 17.4. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- 17.5. Hợp đồng được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.
- 17.6. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Trung



GIÁM ĐỐC
Lương Công Phụng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

BA AN HILLS RESORT& RESIDENCES

XÃ HÒA NINH, HUYỆN HÒA VANG, TP ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MẶT TRỜI (SUN GROUP)

GIÁ TRỊ : 22.622.533.000VNĐ – THỜI GIAN THI CÔNG 120 NGÀY

Địa chỉ: 730 Ngô Quyền – Q. Sơn Trà – TP. Đà Nẵng

Tel/Fax: 05113.913160

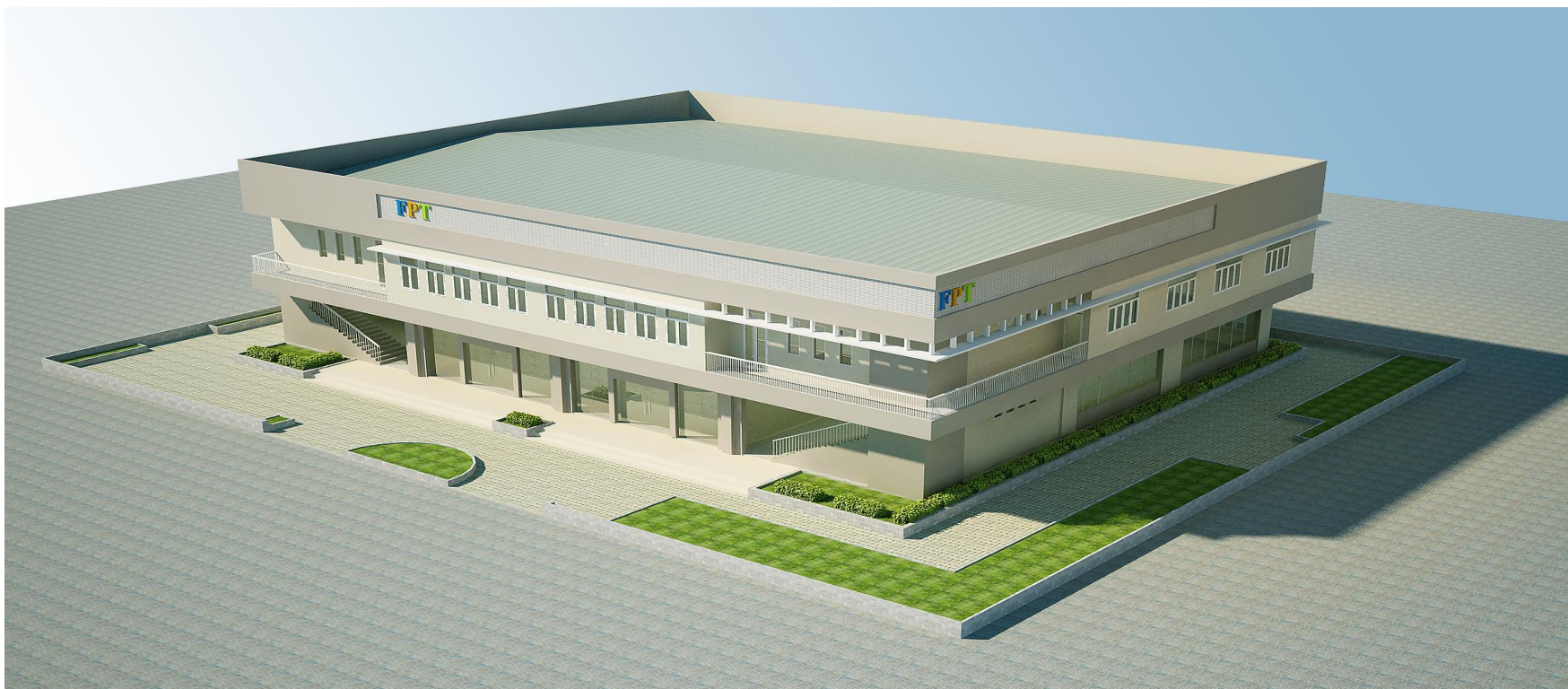


LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO FPT SOFTWARE ĐÀ NẴNG

KCN ĐÀ NẴNG – AN ĐÒN – P. AN HẢI BẮC – Q. SƠN TRÀ – ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT TẠI ĐÀ NẴNG

GIÁ TRỊ: 7.765184.000 – THỜI GIAN THI CÔNG: 93 NGÀY TỪ 5/12/2012



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

NHÀ GA SỐ 5 – TUYẾN CÁP TREO SỐ 3 BÀ NÀ SUỐI MƠ
THÔNG AN SƠN – XÃ HÒA NINH - HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 7.506.549.000

THỜI GIAN THI CÔNG: ĐANG THI CÔNG



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN – NHÀ LỚP HỌC THỰC HÀNH
PHƯỜNG HÒA KHÁNH NAM - QUẬN LIÊN CHIỀU – TP. ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 9.030.249.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 3 THÁNG



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN – BAR – KARAOKE PHƯƠNG ĐÔNG

20 ĐỒNG ĐA - Q. HẢI CHÂU – TP. ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	NHÀ THẦU THI CÔNG CHÍNH	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
 CTY TNHH HỮU THANH 20 ĐỒNG ĐA - TP. ĐÀ NẴNG ■ QUY MÔ CÔNG TRÌNH : 1 TẦNG HẦM , 1 LÚNG, 9 TẦNG GIẤY PHÉP XÂY DỰNG : NGÀY KHỞI CÔNG : NGÀY HOÀN THÀNH :	 CTY TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG KHÔNG GIAN ĐẸP 363 NGUYỄN TRỌNG TUYÊN P.2 Q. TÂN BÌNH TP. HCM TEL: 08 3987 8288 FAX: 08 3987 8288	 CTY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG BÌNH ĐC: 730 NGÔ QUYỀN - Q. SƠN TRÀ TP. ĐÀ NẴNG TEL: 0511.3913160 ĐD: 0914.060.825 MAIL: ctylongbinh@yahoo.com.vn	 CTY CỔ PHẦN TV-TK-XD NHÂN VIỆT 51M NGUYỄN CHÍ THANH Q. HẢI CHÂU TP. ĐÀ NẴNG TEL: 0511.3965532 ĐD: 0511.3965532

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH HỮU THANH

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 32.731.237.000

THỜI GIAN THỰC HIỆN: Đang thi công

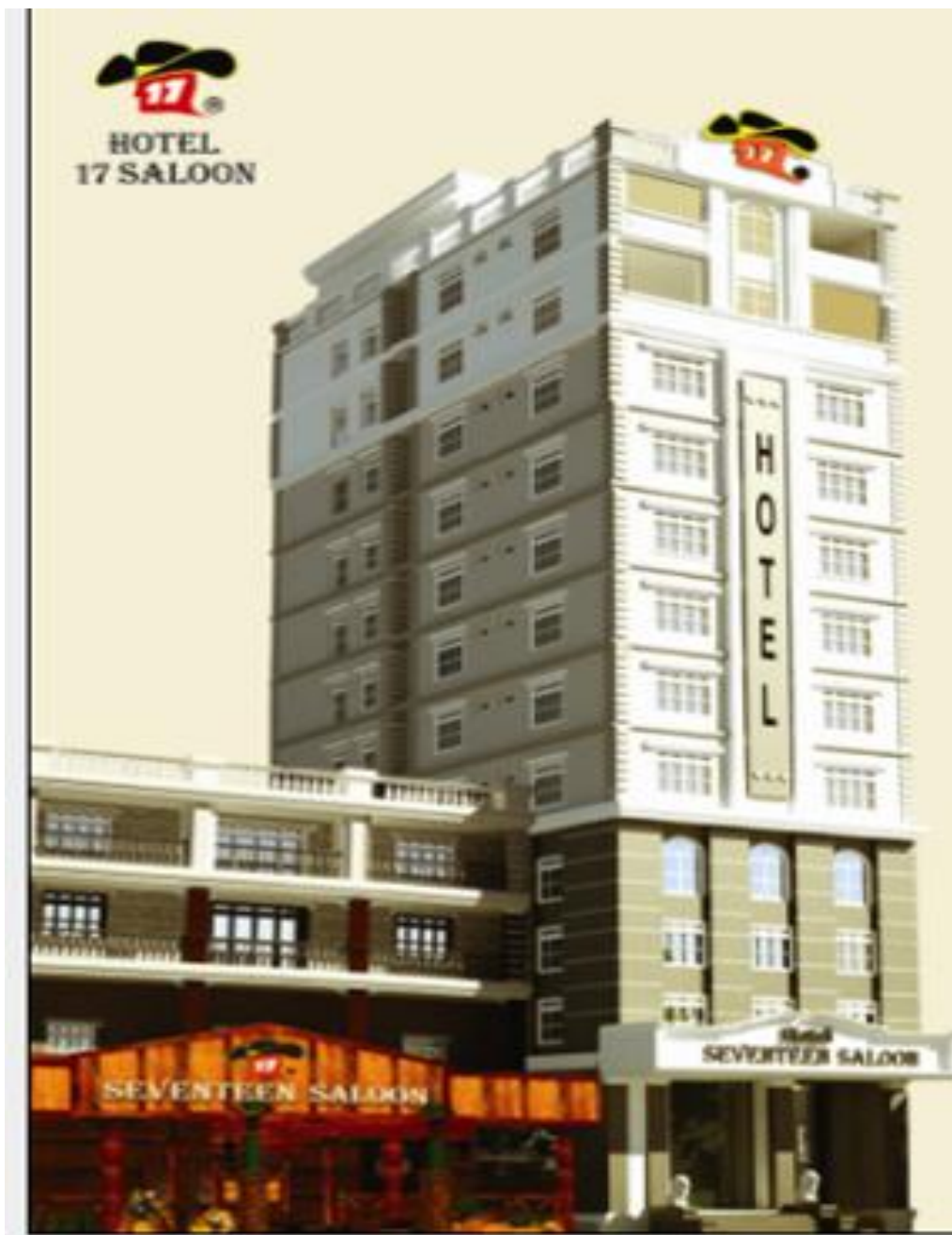


LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN SEVENTEEN

LÔ Z72-73 TRẦN HƯNG ĐẠO - QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH LAMDA

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 15.300.000.000

THỜI GIAN THỰC HIỆN: 12 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN ANGEL (KHÁNH DUNG)

LÔ 19-20 HỒ NGHINH – QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH NGÂN DUNG

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 10.143.000.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 290 ngày



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN STARLET

LÔ 31,32-B2.2 KDC PHÍA BẮC TU VIỆN PAOLO – P. MỸ AN – Q. SƠN TRÀ – ĐN



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SƠN HOÀNG THỊNH

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 10.424.940.000

THỜI GIAN THỰC HIỆN: 10 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

BIỆT THỰ Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

PHƯỜNG HÒA THUẬN – TP. TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN & ĐÔ THỊ
CHU LAI TRƯỜNG HẢI

GIA TRỊ HỢP ĐỒNG: 5.245.000.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 6 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN SOLAR

28 TRƯỜNG CHÍ CƯỜNG – TP. ĐÀ NẴNG



GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 2.567.000.000

THỜI GIAN THỰC HIỆN: 3 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN BIỂN XANH

LÔ B2-9 & B2-10 KDC AN CƯ 3 MỞ RỘNG – P. AN HẢI BẮC – Q. SƠN TRÀ – ĐN



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TM&DV TRANG HIẾU

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 11.246.000.000

THỜI GIAN THỰC HIỆN: 7 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

CHUNG CƯ CAO CẤP THANH BÌNH XANH

LÔ 12-16 PHẠM VĂN ĐỒNG – TP ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH XANH

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 9.500.000.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 8 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI

45 DŨNG SĨ THANH KHÊ – QUẬN THANH KHÊ – TP ĐÀ NẴNG



CHỦ ĐẦU TƯ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 14.150.000.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 12 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

CHUNG CƯ VŨNG THÙNG

KHU CHUNG CƯ VŨNG THÙNG

P.NẠI HIÊN ĐÔNG – Q.SƠN TRÀ – ĐN



CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BẠCH ĐẰNG
ĐÔNG – TP ĐÀ NẴNG

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 4.500.000.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 6 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN HẢI ĐÔNG

ĐƯỜNG PHAN ĐĂNG LƯU – TP ĐÀ NẴNG



GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 2.367.000.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 4 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

KHÁCH SẠN HOÀNG NHỊ

ĐƯỜNG 33M KHU DÂN CƯ HÒA MINH – QUẬN LIÊN CHIỀU – ĐN



GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG: 2.165.000.000

THỜI GIAN THI CÔNG: 3 tháng



LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

VẬN CHUYỂN ĐẤT – CỌC KHOAN NHỒI

CÔNG TRÌNH: TOÀ NHÀ BLOOMING TOWER ĐÀ NẴNG





LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

THI CÔNG SAN LẤP MẶT BẰNG KHU SẢN XUẤT

CÔNG TRÌNH: KHU ĐÔ THỊ MỚI QUỐC TẾ ĐA PHƯỚC ĐÀ NẴNG





LONG BÌNH

Hồ sơ giới thiệu công ty

VẬN CHUYỂN, SAN LẤP GÓI THẦU SỐ 5

CÔNG TRÌNH: KHU ĐÔ THỊ MỚI QUỐC TẾ ĐÀ PHƯỚC ĐÀ NẴNG

